

34. Tâm Đắc Khai Minh (心得開明: Tâm được khai minh)

Trong phẩm này, ngài Di Lặc lãnh hội được ý chỉ của Phật, tâm được khai minh. Phật lại ban lời dạy: Một là đoạn Hoặc chướng niệm Phật, biết khổ tu thiện; hai là tự lợi, lợi tha, lần lượt cứu vớt nhau; ba là lại dạy về quả báo thù thắng của cõi Cực Lạc; bốn là đoạn trừ nghi ngờ để khỏi bị sanh vào biên địa.

Chánh kinh:

彌勒白言：佛語教戒，甚深甚善。皆蒙慈恩，解脫憂苦。佛為法王，尊超羣聖，光明徹照，洞達無極，普為一切天人之師。今得值佛，復聞無量壽聲，靡不歡喜，心得開明。

Di Lặc bạch ngôn: - Phật ngữ giáo giới, thậm thâm, thậm thiện, giai môn từ ân, giải thoát ưu khổ. Phật vì pháp vương, tôn siêu quần thánh, quang minh triệt chiếu, đồng đạt vô cực, phổ vị nhất thiết thiên nhân chi sư. Kim đắc trị Phật, phục văn Vô Lượng Thọ thanh, mỵ bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh.

Ngài Di Lặc bạch rằng: - Lời Phật dạy răn rất sâu, rất lành, [chúng con] đều được nhờ từ ân giải thoát ưu khổ. Phật là đáng pháp vương, tôn quý, cao siêu hơn các thánh, quang minh chiếu cùng tột, thấu suốt vô cực, làm thầy của khắp hết thấy trời người. Nay được gặp Phật, lại nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ, không ai chẳng hoan hỷ, tâm được khai minh.

Giải:

Ngài Di Lặc lãnh ngộ lời Phật, tự mừng vui sâu xa, tỏ bày lời tán tụng bằng cách bạch rằng: “*Phật ngữ giáo giới, thậm thâm thậm thiện*” (Lời Phật dạy răn rất sâu, rất lành).

Hai chữ “*giáo giới*” được sách Câu Xá Giới Phẩm Tụng Sớ giảng: “*Giáo (教) là dạy dỗ khiến người tu thiện; Giới (誡) là răn đe khiến người đoạn ác. Đoạn ác tu thiện nên gọi là Giáo Giới*”. Sách Hội Sớ lại nói: “*Giáo là lời người trên bảo kẻ dưới. Giới là ngăn chặn, ước thúc. Lời nói thấu triệt thật lý nên bảo là rất sâu, chuyển phàm thành thánh nên bảo là rất lành*”.

Pháp âm thâm nhuần rộng rãi, khiến cho khắp mọi người nghe “*giai mông từ ân, giải thoát ưu khổ*” (đều được nhờ từ ân giải thoát ưu khổ). Sách Hội Sớ giảng: “*Giải thoát ưu khổ là được nghe pháp yếu dứt bất những nỗi lo trôi nổi, no say pháp lạc, thoát khổ sanh tử*”. Ý nói: Được nghe pháp yếu nên dứt được nỗi lo bị trôi nổi trong sáu đường; nếm no nê pháp lạc nên trừ được cái khổ sanh tử.

“*Phật vi pháp vương*” (Phật là đấng pháp vương) là như kinh Pháp Hoa, phẩm Dược Vương đã chép: “*Như Phật vi chư pháp vương*” (Như Phật là vua của các pháp). Như Lai tự tại nơi pháp nên được xưng tụng là “*pháp vương*”. Phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa có câu: “*Ngã vi pháp vương, u pháp tự tại*” (Ta làm pháp vương tự tại nơi pháp). Ta là lời đức Thích Ca tự xưng. Chữ “*quần thánh*” (羣 聖) chỉ các bậc thánh nhân đã đoạn Hoặc, chứng Lý từ Sơ Quả của Tiểu Thừa trở lên và từ Sơ Địa của Đại Thừa trở lên. Phật là đạo sư của cả chín cõi, là bậc tôn quý nhất trong các thánh nên ngài Di Lặc bảo Phật “*tôn siêu quần thánh*” (tôn quý, cao siêu hơn các thánh).

Quang minh của Phật chiếu cùng tột, thấu suốt chẳng có ngăn hạn nên bảo là “*quang minh triệt chiếu, đồng đạt vô cực*” (quang minh chiếu tột, thấu thấu vô cực). Ngài Tịnh Ảnh lại giảng là: “*Quang minh triệt chiếu là tự phước thù thắng, thấu suốt vô cực là tự trí thù thắng*”. Ngài lại giảng chữ “*vô cực*” như sau: “*Danh cảm động mười phương, nhiếp thọ kẻ có duyên nên bảo là vô cực*”.

Tổng hợp cả hai cách giải thích này thì hiểu thấu cái Không đến mức vô cực chính là tự trí rốt ráo thông đạt Đệ Nhất Nghĩa Không, chứng ngộ triệt để Lý Thể chính là đại trí, cho nên bảo là “*thù thắng*”. Phổ độ chúng sanh hữu duyên trong mười phương chẳng có ngăn hạn thì chính là đại bi. Như Lai từ Thể khởi Dụng, vận Dụng cả Bi lẫn Trí nên diệu dụng vô tận. Như vậy là ngài Di Lặc đã khen ngợi Phật đức: Phước lẫn trí đều siêu việt, thù thắng.

Thêm nữa, một trong mười hiệu của Phật là Thiên Nhân Sư. Trên trời, dưới thế chỉ có mình đức Phật là tôn quý. Ngài đạo khắp mười phương làm đại đạo sư nên bảo là: “*Phổ vị nhất thiết thiên nhân chi sư*” (Làm thầy của khắp hết thầy trời, người).

“*Trị*” (值) là gặp gỡ. Kinh dạy: “*Nhân thân nan đắc, Phật nan trị*” (Thân người khó được, Phật khó gặp) nên “*kim đắc trị Phật*” (nay được gặp Phật) là điều vui mừng lớn lao.

“Phục văn Vô Lượng Thọ thanh” (Lại được nghe danh hiệu đức Vô Lượng Thọ) là như kinh dạy: “Tín, huệ, văn pháp nan trung nan” (Tín, huệ, nghe pháp là điều khó nhất trong các điều khó); huống hồ lại được nghe diệu pháp bất khả tư nghì: Sáu chữ hồng danh, Nhất Thừa nguyện hải tới cực viên đốn. Sách Di Đà Yếu Giải cũng nói: “*Chẳng luận chí tâm, tán tâm, hữu tâm, vô tâm, hoặc hiểu hay chẳng hiểu, chỉ một phen danh hiệu Di Đà thoảng qua tai thì dấu cho ngàn vạn kiếp sau cũng nhờ đó mà được độ thoát*”.

Vì thế, pháp này khiến cho hội chúng hoan hỷ, mừng rỡ, khai phát Phật trí, hiểu rõ tự tánh. Bởi vậy, ngài Di Lặc mới bảo: “*Tâm đắc khai minh*”. Sách Hội Sớ bảo: “*Khai phát Phật trí, đoạn diệt vô minh nên bảo là khai minh*”. “*My bất hoan hỷ*” (Không ai chẳng hoan hỷ) nghĩa là cả đại hội đều hoan hỷ.

Chánh kinh:

佛告彌勒：敬於佛者，是為大善。實當念佛，截斷狐疑。拔諸愛欲，杜眾惡源。遊步三界，無所挂礙。開示正道，度未度者。若曹當知十方人民，永劫以來，輾轉五道，憂苦不絕。生時苦痛，老亦苦痛，病極苦痛，死極苦痛。惡臭不淨，無可樂者。宜自決斷，洗除心垢。言行忠信，表裏相應。

Phật cáo Di Lặc:

- *Kính u Phật giả, thị vi đại thiện. Thật đương niệm Phật, tiết đoạn hồ nghi, bạt chư ái dục, đốn chúng ác nguyên, du bộ tam giới, vô sở quái ngại. Khai thị chánh đạo, độ vị độ giả. Nhược tào đương tri thập phương nhân dân, vĩnh kiếp dĩ lai, triển chuyển ngũ đạo, ưu khổ bất tuyệt. Sanh thời khổ thống, lão diệc khổ thống, bệnh cực khổ thống, tử cực khổ thống. Ác xú bất tịnh, vô khả lạc giả! Nghi tự quyết đoạn, tẩy trừ tâm cấu. Ngôn hạnh trung tín, biểu lý tương ứng.*

Phật bảo ngài Di Lặc:

- **Tôn kính đức Phật là đại thiện. Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi, nhổ trừ ái dục, lấp các nguồn ác. Đạo chơi trong tam giới chẳng hề ngăn ngại. Khai thị chánh đạo, độ kẻ chưa độ. Các**

ông nên biết mười phương nhân dân từ bao kiếp đến nay xoay vần trong ngũ đạo, ưu khổ chẳng dứt. Lúc sanh ra khổ sở, đón đau; lúc già cũng khổ sở đón đau; lúc bệnh khổ sở đón đau tột bực; lúc chết khổ sở đón đau tột bực. Xấu xa, hôi thối, bất tịnh, có chi đáng vui? Hãy tự quyết đoạn, rửa trừ cấu nhơ trong tâm, ngôn hạnh trung tín, trong ngoài tương ứng.

Giải:

Phật lại dạy bảo ngài Di Lặc lần nữa; trước hết đức Phật dạy nên tự độ.

Cả hai câu: “*Kính u Phật giả, thị vi đại thiện. Thực đương niệm Phật, tiệt đoạn hồ nghi*” (Tôn kính đức Phật là đại thiện. Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi) là cương yếu của toàn bộ giáo lý trong Đại Tạng. “*Kính*” (敬) là cung kính.

Tịnh Ảnh Sớ giảng chữ “*kính Phật*” như sau: “*Kính trọng, gánh vác Phật ân thì gọi là kính Phật*”. “*Gánh vác*” nghĩa là đảm đương, nhận lãnh. Như Lai vạn kiếp huân tu, nhập Phật tri kiến, rồi dùng tri kiến ấy khai thị bọn chúng ta để tất cả đều được ngộ nhập. Dùng Quả Giác của Phật để làm cái nhân tâm của chúng ta thì chẳng phải tốn công suốt cả ba A-tăng-kỳ, chứng nhập ngay được Phật trí. Đây chính là thâm ân của Phật.

Bọn chúng ta phải theo đúng lời Phật khai thị, nương vào văn tự Bát Nhã mà quán chiếu hòng chứng nhập Thật Tướng. Đây gọi là “*kính trọng, gánh vác Phật ân*”. Tuân theo những điều Phật dạy răn trong kinh này hầu đoạn tâm chánh hạnh, dứt ác tu thiện, phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm A Di Đà Phật, sanh ngang qua bốn cõi Tịnh Độ, chứng trọn vẹn bất thoái thì mới là tôn kính Phật một cách chân thật. Do vậy, đức Phật nói: “*Kính u Phật giả, thị vi đại thiện*”.

Chữ “*đại*” (trong “*đại thiện*”) phải hiểu như chữ “*đại*” được dùng trong từ ngữ “*đại phương quảng*”: Dứt bật các đối đãi nên cường gọi là “*đại*”. Ở đây, kinh nói “*đại thiện*” nghĩa là điều lành vô thượng. Sách Hội Sớ lại bảo: “*Tam nghiệp kính phụng mới là tôn kính*”. Dùng cả ba nghiệp thân, khẩu, ý của chính mình để cung kính, phụng sự Như Lai: Thân nghiệp thanh tịnh, khẩu nghiệp thanh tịnh, ý nghiệp thanh tịnh thì mới gọi là “*kính Phật*”. Chẳng phải như thế tục cứ nghĩ đốt hương, sụp lạy mới là “*kính Phật*”. Mật tông thường nói: “*Thanh tịnh tam môn tín Thượng Sư*”, “*dùng thân, khẩu, ý cúng dường Thượng Sư*” cũng là

do nghĩa này. Kính Phật như vậy mới thật là “đại thiện”. Sách Hội Sớ còn nói: “*Phật như thuốc Thiện Kiến, thấy nghe đều được lợi ích nên gọi Phật là đại thiện*”.

“*Thực đương niệm Phật, tiệt đoạn hồ nghi*” (Thật phải nên niệm Phật, cắt đứt hồ nghi): Niệm Phật mới chính là tôn kính, gánh vác Phật ân vì Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh chính là ân tối thượng trong những Phật ân.

Lại vì niệm Phật chính là “*tam nghiệp kính phụng*”, thâm nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối; cả ba nghiệp thân, khẩu, ý đều chuyên chú nơi Phật thì mới là quy kính một cách chân thật.

Nếu muốn chân thật niệm Phật thì trước hết phải “*tiệt đoạn hồ nghi*” (cắt đứt hồ nghi). Tánh của loài cáo hay nghi ngờ nên mới bảo là “*hồ nghi*”. Hành nhân chẳng dứt nỗi nghi thì chẳng dám dũng mãnh tiến lên nên bảo là “*còn hồ nghi*”. Nên biết rằng: Khi chưa đoạn nỗi cội nghi thì sẽ khi tin, khi ngờ, nửa tin, nửa ngờ, hoặc miễn cưỡng niệm thử, nhưng tâm ý chưa yên; hoặc là miệng tuy niệm Phật mà tâm vẫn hâm mộ tông khác. Đấy đều chẳng phải là chân thật niệm Phật.

Nói tóm lại, nghi tình chưa đoạn, chánh tín khó sanh. Tín nguyện khiêm khuyết thì tư lương khiêm khuyết. Vì thế, Phật dạy phải “*tiệt đoạn hồ nghi*”, rỗng rạt niệm Phật, hâm mộ, hăm hở niệm, dốc trọn cả tính mạng mà niệm cho tới chết! Hoa nở gặp Phật ngộ Vô Sanh Nhẫn. Như vậy mới là “*đại thiện*”!

Trên đây, Phật đã dạy đoạn nghi niệm Phật; tiếp đó, Ngài lại dạy niệm Phật có thể đoạn nghi. Sách An Lạc Tập viết: “*Nếu có thể thường tu Niệm Phật tam-muội thì trừ được tham, sân, si. Chẳng luận hiện tại, quá khứ, tương lai, hết thấy các chướng đều trừ được cả!*”. Ngu si kém trí nên tâm hồ nghi. Niệm Phật trừ nghi nên nghi tình tự đoạn.

Hai vị đại sư Liên Trì, Linh Phong đều dạy: “*Phật hiệu gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành Phật*”. Đấy chính là ý nghĩa của câu “*thực đương niệm Phật, tiệt đoạn hồ nghi*” vậy.

Đối với câu “*bạt chư ái dục*” (đẹp trừ các ái dục), ngài Cảnh Hưng giảng như sau: “*Bạt dục là khiến cho lìa phiền não*”. Trong các nhân của những nỗi khổ, tham dục chính là cội rễ nên Phật khuyên phải đoạn trừ ái dục.

“*Đỗ chủng ác nguyên*” (Lấp các nguồn ác): “Đỗ” (杜) là ngăn bít. Tịnh Ảnh Sớ ghi: “*Đỗ chủng ác nguyên là khiến lìa ác nghiệp. Đỗ cũng*

như bít. Ác nghiệp chính là nguồn gốc của ác đạo, nó được gọi là nguồn của các điều ác. Dạy phải đoạn ác nên bảo là đồ (lấp)". Ý nói: Dạy "đồ chúng ác nguyên" là dạy lia các ác nghiệp vì ác nghiệp khiến người ta phải đọa ác đạo. Ác nghiệp chính là căn cội của các đường ác nên được gọi là "ác nguyên" (nguồn ác). Bởi thế, phải nên đóng lấp nó.

Ngài Vọng Tây cũng giảng giống vậy: *"Đồ chúng ác nguyên là khiến đoạn ác nghiệp. Trôi lăn trong sanh tử là do ác nghiệp làm nguồn cội nên gọi là Nguyên"*.

Sách Hội Sớ lại giải thích cách khác: *"Trong các phiên nào, nóng giận là nặng nề nhất nên bảo là Nguyên (源: nguồn); chữ Nguyên cũng chỉ cho nguồn vô minh. Phật đều đoạn hết cả chẳng để thừa sót gì!"* nên bảo *"đồ chúng ác nguyên"*.

Ta có thể áp dụng cả hai cách giải thích này chẳng trở ngại gì. Sách Hội Sớ đứng về phía Phật mà giảng, còn những thuyết của ngài Tịnh Ảnh, Vọng Tây... là căn cứ trên việc hành nhân hạ thủ công phu mà luận.

Câu *"du bộ tam giới, vô sở quái ngại"* được sách Hội Sớ giảng như sau: *"Thần thông biến hóa chẳng phải suy tính gì, thường thể hội tánh Không nên bảo là du bộ"*. Ngài Cảnh Hưng bảo: *"Trên trời dưới thế, chỉ mình Phật là tôn quý cho nên Ngài du bộ tam giới, biến hóa tùy ý chẳng bị ngăn ngại"*.

Chữ *"quái"* trong *"quái ngại"* (挂礙) có nghĩa là trở ngại, ngăn đón. Trong bản Ngụy dịch của Đại Tạng Cao Ly, chữ *"quái ngại"* được ghi là *"câu ngại"* (拘闕), còn các bản Ngụy dịch phổ biến ghi là *"câu ngại"* (拘礙) nên các tác phẩm sớ giải của ngài Tịnh Ảnh, Cảnh Hưng cũng như Hội Sớ đều chép là *"câu ngại"* (拘礙). Ngài Cảnh Hưng giảng: *"Vô sở câu ngại tức vô sở quái ngại"* (*"Chẳng bị kèm giữ, trở ngại"* chính là *"chẳng bị ngăn ngại"*).

Như trên đã nói, tác giả Hội Sớ và ngài Cảnh Hưng đứng về phía Phật để bàn luận là vì họ dùng bản Ngụy dịch để giải thích kinh. Nay căn cứ trên bản hội tập thì ta có thể hiểu là: Người kiêm cả phát Bồ Đề tâm, niệm Phật được vãng sanh thì nương vào oai thần của Phật sẽ đi hóa độ khắp cả tam giới. Kinh nói: *"Ư nhất niệm khoảnh, siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát"* (Trong khoảng một niệm, đi qua cả ức na-do-tha trăm ngàn cõi Phật). Kinh còn dạy: *"Tùy ý tu tập, vô bất viên mãn"* (Tùy ý tu tập, không gì là chẳng viên mãn). Bởi thế mới *"vô sở*

quái ngại” (chẳng hề ngăn ngại). Người được vãng sanh sẽ du hành mười phương tuyên thị diệu pháp Di Đà viên đốn: Nhất Thừa nguyện hải, sáu chữ hồng danh, nhằm dẫn dắt kẻ chưa được độ quy hướng Cực Lạc. Vì thế, Phật bảo: *“Khai thị chánh đạo, độ vị độ giả”* (Khai thị chánh đạo, độ kẻ chưa được độ).

Trong đoạn kinh này, nửa đoạn trước, Phật khuyên dụ chúng sanh đoạn hoặc niệm Phật; còn nửa đoạn sau Phật lại khuyên chúng sanh nên biết khổ để tu thiện.

“Nhược tào” chính là *“nhữ đấng”* (các ông). *“Vĩnh kiếp”* tức là thời gian kiếp số lâu xa dằng dặc. Nay bảo là *“vĩnh kiếp”* nhằm hàm ý: Vĩnh cửu của vĩnh cửu, vĩnh cửu vô cực vậy.

“Ngũ đạo” tức là năm đường: Trời, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục như đã giải thích trong câu *“hoành tiệt u ngũ đạo”* (chặt ngang năm đường) ở phần trên.

Theo Hội Sớ, cả đoạn: *“Nhược tào... ưu khổ bất tuyệt”* ý nói: *“Từ bao kiếp đến nay tuy gặp nhiều đức Phật, phát đại tâm, nhưng tu thánh đạo khó được thành tựu nên thường bị chìm đắm, lưu chuyển, mãi đến nay vẫn chưa thoát khỏi sanh tử”*.

Theo đó, người gặp được Phật vẫn còn nhiều kiếp trầm luân sanh tử, ưu khổ chẳng dứt thì người chẳng gặp được Phật, ưu khổ còn hơn thế nữa! Bởi đó, kinh dạy: *“Thập phương nhân dân vĩnh kiếp dĩ lai”* (Mười phương nhân dân bao kiếp đến nay) xoay vần trong năm đường, thường đọa vào tam đồ, đau đớn tội bực, không lúc nào hết.

Ấy là vì sanh, chết, già, bệnh đều rất đau khổ, đều là thuần khổ không vui. Cái thân nghiệp báo của phàm phu *“ác xú bất tịnh”* (xấu ác, hôi thối, bất tịnh) nào đáng yêu thích? *“Ác”* (惡) là xấu ác, hung ác. *“Xú”* (臭) là mùi vị khó ngửi. *“Bất tịnh”* là chẳng sạch sẽ. Kinh Tâm Địa Quán dạy: *“Tự kiến kỳ thân, tam thập lục vật ác lộ bất tịnh”* (Tự xem thân mình, ba mươi sáu thứ xấu ác rỉ ra chẳng sạch).

Đại Luận kể ra năm thứ bất tịnh: Chủng tử, y xứ, đương thể, ngoại tướng và cứu cánh. Chủng tử chính là tinh cha, huyết mẹ. Y xứ là bào thai. Đương thể là toàn thân. Ngoại tướng là hình hài. Cứu cánh là rớt ráo. Năm thứ đều bất tịnh.

Thập Nghi Luận lại kể ra bảy thứ bất tịnh: Một là chủng tử, hai là thọ sanh, ba là trụ xứ, bốn là ăn uống, năm là sơ sanh, sáu là toàn thân, bảy là cứu cánh. Cả bảy thứ ấy đều bất tịnh.

Vì thế, cả thân mình lẫn thân người khác đều chẳng có chỗ nào đáng yêu nổi, thuận khổ không vui, lẽ nên phải chán lìa! Bởi thế, tiếp đó, Phật dạy: “*Nghi tự quyết đoạn*” (Hãy tự quyết đoạn). “*Quyết*” (決) là tâm quyết định. “*Đoạn*” (斷) là cắt đứt nhân ác. Nhân ác chính là như câu tiếp đó nói rõ: “*Tâm cấu*”. Sách Hội Sớ nói: “*Tham sân si là tâm cấu* (bụi nhơ nơi tâm), *trái với ba thứ ấy là tam thiện*”. “*Tây*” (洗) là rửa sạch. “*Trừ*” (除) là dứt bỏ. Vì thế, Phật dạy: “*Tây trừ tâm cấu*”.

“*Ngôn hạnh trung tín*”: Ngôn là lời lẽ; Hạnh là hành động. Sách Tiên Chú viết: “*Làm đúng như lời nói, lời nói đúng như việc làm thì gọi là trung tín*”.

Theo ngài Tịnh Ảnh, trong câu “*biểu lý tương ứng*” (trong ngoài tương ứng), chữ “*biểu*” (表) chỉ lời nói, chữ “*lý*” (裏) chỉ cái tâm. Tịnh Ảnh Sớ ghi: “*Lời nói là ngoài, tâm là trong. Lời nói chẳng trái với tâm nên bảo là tương ứng*”, nghĩa là tâm, khẩu đồng nhất chính là “*biểu lý tương ứng*”.

Lời sớ còn giảng rộng: “*Biểu là biểu hiện, những gì hiển hiện ra ngoài thì đều gọi là biểu*”. “*Hạnh*” cũng là “*biểu*”. “*Lý*” (bên trong) là nội tâm, trong ngoài như một nên gọi là “*tương ứng*”. Đây chính là trực tâm như kinh Tịnh Danh dạy: “*Trực tâm là đạo tràng*”.

Chánh kinh:

人能自度，轉相拯濟。至心求願，積累善本。
雖一世精進勤苦，須臾間耳。後生無量壽國，快樂無極。
永拔生死之本，無復苦惱之患。壽千萬劫，自在隨意。

Nhân năng tự độ, chuyển tương chứng tế. Chí tâm cầu nguyện, tích lũy thiện bản, tuy nhất thể tinh tấn cần khổ, tu du gian nhĩ. Hậu sanh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô cực, vĩnh bạt sanh tử chi bản, vô phục khổ não chi họa. Thọ thiên vạn kiếp, tự tại tùy ý.

Người [ấy đã có thể] tự độ, [lại còn] lần lượt cứu vớt người khác. Chí tâm cầu nguyện, tích lũy tội lành. Tuy một đời tinh tấn siêng khổ cũng chỉ như khoảnh khắc mà thôi. Thân sau sanh vào cõi Vô Lượng Thọ, khoái lạc vô cực! Vĩnh viễn nhổ được cái gốc sanh tử, chẳng còn cái nạn khổ não, thọ ngàn vạn kiếp tự tại tùy ý.

Giải:

Đoạn trên đã giảng rõ sanh tử lưu chuyển ưu khổ chẳng ngọt, khuyên ta phải xuất ly. Đây là nhằm chán Sa Bà. Còn đoạn này lại khuyên cầu sanh Tịnh Độ, chính là ham cầu Cực Lạc.

Sách Di Đà Yếu Giải lấy “*chán lìa Sa Bà, vui cầu Cực Lạc*” làm nguyện, lại lấy “*tín nguyện trì danh*” làm “*cái nhân chân thật của Nhất Thừa*”. Bởi đó, ta thấy rằng: Đức Thế Tôn khuyên dụ chính là vì vãng sanh rất thiết yếu.

Câu “*nhân năng tự độ*” (người đã có thể tự độ) nghĩa là người đã độ được chính cái thân mình. Đây là lời tiếp nối ý câu “*tỷ từ tâm cầu, biểu lý tương ứng*” của đoạn trên. Đó chính là hạnh tự lợi.

Tiếp đây, “*chuyển tương chứng tế*” (lần lượt cứu vớt người khác) là hạnh lợi tha. Đây chính là điểm thứ hai trong lời khai thị của Phật. “*Chứng*” (拯) là cứu độ, tức là lần lượt cứu độ những người khác, hay nói cách khác là “*chúng sanh vô lượng thế nguyện độ*”.

Phát được cái tâm to lớn “*tự giác, giác tha*” niệm danh hiệu Phật thì mới khế hợp được tông thú của bản kinh này “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”.

Đã phát đại tâm thì phải dùng tâm chí thành “*tích lũy thiện bản*” (tích lũy cội lành) để cầu được diệu quả của bốn nguyện. “*Thiện bản*” có nghĩa như “*thiện căn*”. Kinh Thắng Man quyền thượng dạy: “*Thiện bản, bản diệc nhân giả. Dục dĩ thử thiện vi Bồ Đề căn, cố danh vi bản*” (Thiện bản, bản cũng là nhân. Muốn dùng điều thiện ấy để làm gốc Bồ Đề nên gọi là Bản).

Sách Hội Sớ lại viết: “*Cầu nguyện là cái tâm nguyện được vãng sanh. ‘Thiện bản’ là tên chung của các điều lành, mà cũng chỉ riêng việc xưng danh niệm Phật*” bởi lẽ, xưng danh niệm Phật chính là cội lành của việc vãng sanh Cực Lạc. “*Tích lũy thiện bản*” chính là một dạ chuyên niệm.

Tiếp đó, đức Thích Tôn nhắc lại sự thù thắng nhiệm màu của cõi Cực Lạc, khuyên dụ vãng sanh. “*Tu du*” (khoảnh khắc) là một phần bốn mươi tám của một phút, tức là một khoảng thời gian rất nhỏ. Phật khuyên người đời: Một đời siêng năng vất vả cũng chỉ như trong khoảnh khắc. Thân sau sanh về Cực Lạc thì cái vui ấy không cùng tận. Sự vui màu nhiệm vô biên vượt trội mười phương, chẳng hề chấm dứt nên bảo là “*vô cực*”.

Trong tác phẩm Khuyên Tâm Vãng Sanh Luận của sa-môn Nhẫn Không thuộc tông Thiên Thai có câu: “*Một trận vinh hoa đời này kết thành khổ quả kiếp. Đời này siêng tu trong khoảnh khắc, nở nhụy giác tam minh*”. Ấy là nhân nhỏ quả to, thọ báo dài lâu. Hễ được vãng sanh thì như kinh dạy: “*Vĩnh bạt sanh tử chi bốn, vô phục khổ não chi hoạn, thọ thiên vạn kiếp, tự tại tùy ý*” (Vĩnh viễn nhổ đứt cái gốc sanh tử, chẳng còn cái nạn khổ não, thọ ngàn vạn kiếp tự tại tùy ý).

Ngài Linh Chi đã giảng về cõi Cực Lạc như sau:

“*Tịnh độ Di Đà cảnh giới lạ lùng tuyệt diệu. Thánh hiền cùng hội, nghe pháp ngộ đạo, thọ mạng vĩnh cửu, bất thoái Bồ Đề, chẳng còn có nỗi vui nào khác hơn được niềm vui này. Chỉ không có cái khổ vô thường đã đáng vui rồi, huống là còn có các sự thù thắng, những sự vui ấy chẳng cùng tận!*”. Bởi thế, Phật mới khuyên chúng sanh cầu sanh về đó.

Chánh kinh:

宜各精進，求心所願。無得疑悔，自為過咎，生彼邊地七寶城中，於五百歲受諸厄也。彌勒白言：受佛明誨，專精修學。如教奉行，不敢有疑。

Nghi các tinh tấn, cầu tâm sở nguyện. Vô đắc nghi hối, tự vi quá cữu, sanh bỉ biên địa, thất bảo thành trung, w ngũ bách tuế thọ chư ách dã. Di Lạc bạch ngôn: - Thọ Phật minh hối, chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi.

Ai nấy hãy nên tinh tấn, tâm nguyện cầu, chẳng được nghi hối, tự tạo thành ương họa: Sanh vào biên địa của cõi ấy, ở nơi thành thất bảo, trong năm trăm năm chịu các tai ách.

Di Lạc bạch rằng: - Tuân lời giảng dạy tường tận của Phật, chuyên ròng, siêng năng tu học. Phụng hành đúng như lời dạy, chẳng dám có nghi.

Giải:

Thế Tôn rủ lòng Từ đã khuyên đại chúng nên yêu thích cầu sanh Cực Lạc, lại khuyên chúng sanh nên bỏ nghi hoặc để khỏi sanh trong biên địa. Đây là điểm thứ tư trong lời khai thị của Phật. Kinh dạy: “*Nghi các tinh tấn, cầu tâm sở nguyện*” nghĩa là: Chúng sanh phải thành kính

chuyên tu, nhất tâm đạt tịnh nghiệp. “*Vô đắc nghi hối, tự vi quá cữu*” (Chẳng được ngờ vực, hối hận, tự tạo thành ương họa): Sách Đại Thừa Nghĩa Chương giảng chữ “*hối*” (悔) như sau: “*Hối là nghĩ ngược lại*”, tức là nghĩ trái lại rồi đâm ra thụt lùi. “*Quá cữu*”: Quá (過) là tội, Cữu (咎) là ác, là tai họa. Ý Phật khuyên chúng sanh chớ nên nghi hoặc để tự tạo ra tai ương cho chính mình ngõ hầu khỏi phải “*sanh bỉ biên địa... thọ chư ách dã*” (sanh vào biên địa của cõi ấy... chịu các ách nạn).

“*Biên địa*” còn gọi là “*nghi thành*” hay Giải Mạn Quốc. Sách Tịnh Độ Lục Luận viết: “*Trong năm trăm năm thường chẳng thấy nghe Tam Bảo và cõi An Lạc thì gọi là Biên Địa hoặc là Thai Sanh*”. “*Ách*” (厄) là nạn. Gia Tường Sớ ghi: “*Ở đây, trước hết răn dạy phải đoạn nghi hoặc, dạy rõ: Hoài nghi sẽ sanh trong Biên Địa, chẳng được gặp Phật, suốt cả năm trăm năm hoa chẳng nở. Hoa chẳng nở thì chẳng thể đến mười phương cúng dường chư Phật*”.

Sách Hội Sớ nói: “*Trước sau chẳng lui sụt thì gọi là tinh tấn. ‘Cầu tâm sở nguyện’ là nguyện cầu vãng sanh. ‘Nghi hoặc’ là chẳng hiểu rõ Phật trí. ‘Hối’ là ác tác: Trước tin, sau ngờ, đối với lòng tin hiểu khi trước sanh lòng hối hận, nửa đường bỏ lửng. ‘Tự tạo quá cữu’ là dẫn ‘bỉ quốc vô nghịch vi’ (nước ấy chẳng trái nghịch) mà tự cam lòng sanh trong biên địa. ‘Chư ách’ là chẳng thấy Tam Bảo, chẳng nghe kinh pháp*”. Lời giải thích của Hội Sớ rất tường tận.

Đối với vấn nạn Biên Địa có thuộc vào ba bậc vãng sanh hay không, sách Vô Lượng Thọ Kinh Sao đã bàn rất tỉ mỉ. Sách viết:

“*Các kinh nói chẳng giống nhau. Theo như Giác kinh (tức bản Hán dịch) và Đại A Di Đà kinh (tức bản Ngô dịch), Biên Địa thuộc vào trung bối và hạ bối (Ý nói: Cả trung bối lẫn hạ bối đều có Biên Địa); còn kinh này (chỉ bản Ngụy dịch) chẳng những không giống như thế mà lại còn dạy khác đi. Bởi thế, các sư cũng hiểu khác nhau.*

Chẳng hạn như ngài Đàm Loan, ngài Nguyên Hiếu, ngài Pháp Trụ, ngài Như Trạng... đều cho rằng Biên Địa chẳng thuộc trong tam bối.

Ngài Nghĩa Tịch, ngài Cảnh Hưng, ngài Long Hưng, ngài Nhân Nhạc... lại nghĩ Biên Địa gộp trong các bối.

Mỗi vị căn cứ vào một khía cạnh nên các ý kiến ấy chẳng trái nghịch nhau. Nhưng kinh này là bản phiên dịch chính và đại sư Đàm Loan lại là cao tổ của tông ta nên nay phải thuận theo ý Ngài, tức là

như Ngài đã viết trong sách Lược Luận: ‘Lại có một thứ vãng sanh cõi An Lạc chẳng thuộc vào trong ba bậc’.

Phàm ba bậc đều là do tín tâm vãng sanh; ấy chính là điều nên khuyến bảo. Biên Địa là do tâm nghi mà vãng sanh; ấy chính là điều phải răn dè. Tin, ngờ, khuyến, răn khác nào như trời với đất, lửa với nước, làm sao dung được nhau!”

Lời luận của sách rất hay: Người đầy đủ tín tâm thì thuộc vào ba bậc vãng sanh, kẻ ôm lòng nghi thì rớt vào Biên Địa. Do hai tâm chẳng đồng, tất nhiên chỗ sanh về phải khác. Bởi đó, trong hội bản này, ngoài ba bậc vãng sanh ra, kinh dạy rõ về “*biên địa nghi thành*”. Trong phẩm bốn mươi ở phần sau sẽ giảng rõ điều này.

Ngài Di Lặc lãnh thọ lời Phật nên hướng về Phật bạch rằng: “*Thọ Phật minh hối*” (Vâng lãnh lời dạy rõ ràng của Phật). “*Minh*” tức là trí huệ, hoàn bị, rõ ràng, khai phát. “*Minh hối*” (明 誨) tức là lời răn dạy có tác dụng khiến cho đại trí được hiển lộ, khai phát, là lời dạy minh bạch, hoàn bị. “*Chuyên*” (專) là chuyên nhất, “*tinh*” (精) là tinh tấn (trong phần chánh kinh, chữ “*chuyên tinh*” được dịch ý là chuyên ròng, siêng năng). “*Tu*” (修) là tu hành, “*học*” (學) là học đạo. Kinh Pháp Hoa dạy: “*Tiệm tiệm tập học, tất đương thành Phật*” (Tu học dần dần, ắt sẽ đều thành Phật).

“*Như giáo phụng hành*” (Phụng hành đúng như lời dạy)”: Ngài Di Lặc lãnh thọ lời Phật giáo huấn, quyết định tuân hành. Câu “*bất cảm hữu nghi*” (chẳng dám có nghi) ngụ ý khuyến chúng sanh vâng lãnh lời Phật, dứt bỏ lòng ngờ. Nghi là căn nguyên phát sanh muôn mối lầm lạc nên phải đoạn nghi.